



jùn mǎ
骏马

Noun · Steed / Fine horse

Example Sentences

zhè shì yì pǐ jùn mǎ
这是一匹骏马。

This is a fine horse.

cǎo yuán shàng bēn pǎo zhe yì qún jùn mǎ
草原上奔跑着一群骏马。

A herd of fine horses is running on the grassland.

tā qí zhe yì pǐ jùn mǎ zài sài mǎ bǐ sài zhōng yíng dé le guān jūn
他骑着一匹骏马，在赛马比赛中赢得了冠军。

He rode a fine horse and won the championship in the horse race.

Trace each character, then write the word on your own.

骏	骏	骏	骏	骏	骏	骏	骏	骏	骏	骏
骏	骏									

马	马	马	马	马	马					